

Bản án số: 24/2020/HS-ST
Ngày 19/5/2020.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẬU LỘC, TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Tiến Thanh
Bà Nguyễn Thị Duyệt.

Thư ký phiên tòa: Bà Trương Mỹ Dung - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Hậu Lộc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hậu Lộc tham gia phiên tòa:
Ông Ngô Tiến Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hậu Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 26/2020/TLST-HS ngày 05 tháng 5 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2020/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 5 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. **Trần Ngọc M**; sinh năm 1976 tại huyện L, tỉnh Thanh Hóa; nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn Y, xã Q, huyện L, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Ngọc V và bà Cao Thị T; vợ: Trần Thị D và có 02 con; tiền sự, tiền án: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/02/2020 đến ngày 16/02/2020; bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 16/02/2020 đến nay. Có mặt.

2. **Mai Văn Th**; sinh năm 1970 tại huyện L, tỉnh Thanh Hóa; nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn Y, xã Q, huyện L, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mai Văn L và bà Nguyễn Thị Á; vợ: Trần Thị L và có 03 con; tiền sự, tiền án: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/02/2020 đến ngày 16/02/2020; bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 16/02/2020 đến nay. Có mặt.

3. **Đỗ Văn T**; sinh năm 1994 tại huyện L, tỉnh Thanh Hóa; nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn Y, xã Q, huyện L, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn Q và bà Nguyễn Thị Đ; vợ: Nguyễn Thị Th, chưa có con; tiền sự, tiền án: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/02/2020 đến ngày 16/02/2020; bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 16/02/2020 đến nay. Có mặt.

4. **Trần Duy H**; sinh năm 1976 tại huyện L, tỉnh Thanh Hóa; nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn Y, xã Q, huyện L, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Ngọc L và bà Trần Thị L; vợ: Đỗ Thị T và có 02 con; tiền sự, tiền án: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/02/2020 đến ngày 16/02/2020; bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 16/02/2020 đến nay. Có mặt.

5. **Cao Văn Gi**; sinh năm 1984 tại huyện L, tỉnh Thanh Hóa; nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn Y, xã Q, huyện L, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Cao Văn Ch và bà Cao Thị M; vợ: Vũ Thị Thu H và có 02 con; tiền sự, tiền án: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/02/2020 đến ngày 16/02/2020; bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 16/02/2020 đến nay. Có mặt.

6. **Trần Văn Kh**, sinh năm 1979 tại huyện L, tỉnh Thanh Hóa; nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn Y, xã Q, huyện L, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Ngọc N và bà Nguyễn Thị S; vợ: Lê Thị Nh và có 02 con; tiền sự, tiền án: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/02/2020 đến ngày 16/02/2020; bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 16/02/2020 đến nay. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 20^h30' ngày 10/02/2020 Đỗ Văn T, Trần Ngọc M, Trần Duy H, Cao Văn Gi và Mai Văn Th cùng ở thôn Y, xã Q, huyện L lần lượt đi bộ đến nhà Trần Văn Kh ở cùng thôn chơi, uống nước tại nhà bếp của gia đình Kh. Trong lúc ngồi uống nước thì T, M, H, Gi và Th nhìn thấy có 01 cái bát và 01 cái đĩa bằng sứ của gia đình Kh đang để ở nền nhà gần chỗ ngồi, nên cùng rủ nhau chơi xóc đĩa được, thua bằng tiền và xin ngồi chơi tại nền

nhà bếp của gia đình Kh, do đều là người quen biết ở cùng thôn và nể nang, nên Kh đồng ý. M nhặt 02 cây bài chắn do các con của Kh chơi vớt ở nền nhà bếp, rồi dùng kéo lấy ở nhà bếp cắt thành 04 “Quân vị” hình tròn bằng nhau, mỗi quân vị có một mặt màu đỏ, một mặt màu trắng. Sau đó, cả năm người cùng ngồi chơi xóc đĩa, còn Kh ngồi xem. Trong thời gian này thì vợ và các con của Kh học bài và xem ti vi ở nhà trên rồi đi ngủ, nên không biết gì về việc chơi xóc đĩa.

Hình thức và cách chơi là một người cầm bát, đĩa và quân vị - gọi là người cầm cái, rồi xóc để chơi với những người còn lại. Người cầm cái bỏ 04 quân vị trên đĩa, úp bát lại rồi cầm lên xóc, xóc xong thì đặt bát, đĩa đang úp các quân vị xuống, sau đó thì những người chơi còn lại đặt tiền cược theo mức từ 20.000 đồng đến 50.000 đồng ở “Cửa chắn” hoặc “Cửa lẻ” - tương ứng với phía bên phải và phía bên trái của người cầm cái. Đặt cược xong thì người cầm cái mở bát ra, nếu trên đĩa có 02 quân vị hoặc cả 04 quân vị cùng màu là ván đó về chắn và những người đặt tiền cược ở cửa chắn được lấy của người cầm cái số tiền gấp 02 lần số tiền đã đặt cược, còn người cầm cái được lấy tất cả số tiền đặt cược ở cửa lẻ; ngược lại, nếu trên đĩa có 03 quân vị cùng màu và 01 quân vị khác màu là ván đó về lẻ và những người đặt tiền cược ở cửa lẻ được lấy của người cầm cái số tiền gấp 02 lần số tiền đã đặt cược, còn người cầm cái được lấy tất cả số tiền đặt cược ở cửa chắn. Trần Ngọc M là người cầm cái 02 ván đầu tiên, những ván sau đó thì Mai Văn Th là người cầm cái.

Trong quá trình chơi xóc đĩa, những người chơi không phải “cắt tiền hồ” cho Trần Văn Kh.

Đến 23^h cùng ngày, trong lúc Đỗ Văn T, Mai Văn Th, Trần Duy H, Cao Văn Gi và Trần Ngọc M đang chơi xóc đĩa thì bị cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L phát hiện và lập Biên bản bắt người phạm tội quả tang. Thu giữ quả tang 01 cái bát bằng sứ màu trắng, đường kính miệng bát 10cm; 01 cái đĩa bằng sứ màu trắng, đường kính miệng đĩa 18cm; 04 quân vị bằng giấy, đường kính 02cm và mỗi quân có một mặt màu đỏ, một mặt màu trắng, cùng với số tiền 8.100.000 đồng đã sử dụng để đánh bạc.

Trong quá trình điều tra, các bị cáo khai nhận: Không nhớ ai là người khởi xướng chơi đầu tiên, ai là người xin Kh chơi và ai là người lấy bát, đĩa lại để chơi, mà khai nhận là cùng rủ nhau chơi. Khi tham gia chơi xóc đĩa được - thua bằng tiền thì Đỗ Văn T có số tiền khoảng 1.500.000 đồng, Trần Ngọc M có số tiền khoảng 2.000.000 đồng, Trần Duy H có số tiền khoảng 1.500.000 đồng, Cao Văn Gi có số tiền khoảng 1.400.000 đồng, Mai Văn Th có số tiền khoảng 1.500.000 đồng đã sử dụng để đánh bạc. Tổng cộng là 7.900.000 đồng. Xét thấy, tổng số tiền đã thu giữ quả tang chênh lệch cao hơn so với tổng số tiền mà các đối

tượng khai nhận đã có khi tham gia chơi là 200.000 đồng, nhưng các đối tượng phải chịu chung trách nhiệm đối với tổng số tiền đã bị thu giữ quả tang.

Vật chứng của vụ án gồm: Số tiền 8.100.000 đồng hiện đã nộp vào tài khoản tạm gửi của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L tại Kho bạc nhà nước huyện L; 01 cái bát bằng sứ màu trắng, 01 cái đĩa bằng sứ màu trắng và 04 quân vị hiện đang bảo quản tại kho vật chứng của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

Cáo trạng số 28/CT-VKSHL ngày 04/5/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Thanh Hóa đã truy tố các bị cáo Trần Ngọc M, Mai Văn Th, Đỗ Văn T, Trần Duy H, Cao Văn Gi và Trần Văn Kh về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo về tội danh, điều luật nêu trên và sau khi đánh giá tính chất vụ án, xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51 đối với các bị cáo Trần Ngọc M, Mai Văn Th, Đỗ Văn T, Trần Duy H, Cao Văn Gi và Trần Văn Kh (khoản 2 Điều 51 đối với bị cáo Trần Ngọc M, Mai Văn Th, Trần Duy H) (điểm p khoản 1 Điều 51 đối với bị cáo Trần Văn Kh); Điều 17; Điều 58, Điều 65 (Điều 36 đối với Trần Văn Kh) của Bộ luật Hình sự và đề nghị áp dụng mức hình phạt đối với các bị cáo Trần Ngọc M, Mai Văn Th, Đỗ Văn T, Trần Duy H, Cao Văn Gi từ 06 đến 09 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 12 tháng đến 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm; Trần Văn Kh từ 06 đến 09 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ đi 06 ngày bị cáo bị tạm giữ quy đổi bằng 18 ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ từ 05 tháng 12 ngày đến 08 tháng 12 ngày cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú và gia đình bị cáo giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành án.

Do bị cáo Trần Văn Kh là người khuyết tật đặc biệt nặng đang được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng nên không áp dụng việc khấu trừ phần thu nhập đối với bị cáo.

Hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo nghề nghiệp lao động tự do, thu nhập không ổn định, các bị cáo đều có đơn xin miễn hình phạt bổ sung và được UBND xã Quang Lộc xác nhận về hoàn cảnh gia đình khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và các điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu, nộp ngân

sách nhà nước số tiền 8.100.000 đồng và tịch thu tiêu hủy 01 cái bát bằng sứ màu trắng, 01 cái đĩa bằng sứ màu trắng và 04 quân vị hình tròn hiện đang bảo quản tại kho vật chứng của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hậu Lộc.

Về án phí: Các bị cáo chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội đúng như Cáo trạng đã truy tố, đồng ý với Bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa và lời nói sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức hình phạt nhẹ nhất và cho các bị cáo cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hậu Lộc, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Vào hồi 23^h ngày 10/02/2020, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L đã phát hiện và lập Biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với các bị cáo Đỗ Văn T, Mai Văn Th, Trần Duy H, Cao Văn Gi và Trần Ngọc M đang có hành vi đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa được - thua bằng tiền tại nhà bếp của gia đình Trần Văn Kh ở thôn Y, xã Q, huyện L. Thu giữ quả tang 01 cái bát bằng sứ, 01 cái đĩa bằng sứ, 04 quân vị bằng giấy và số tiền 8.100.000 đồng đã sử dụng để đánh bạc.

Đối với Trần Văn Kh không trực tiếp đánh bạc, không thu tiền hồ nhưng đã tạo điều kiện cho các bị cáo sử dụng nhà bếp và vật dụng sinh hoạt của gia đình làm địa điểm và công cụ để đánh bạc tại nhà mình do đó phải chịu trách nhiệm hình sự đồng phạm với vai trò giúp sức.

Hành vi sát phạt nhau bằng tiền của các bị cáo Trần Ngọc M, Mai Văn Th, Đỗ Văn T, Trần Duy H, Cao Văn Gi và Trần Văn Kh với tổng số tiền thu được tại chiếu bạc là 8.100.000 đồng đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm của tội “Đánh bạc” tội phạm, hình phạt được quy định và trừng trị tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

[3] *Xét tính chất của vụ án thì thấy*: Hành vi phạm tội đánh bạc của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng, nếp sống văn minh của xã hội; động cơ phạm tội là sát phạt nhau, với mục đích là thu lợi bất chính, tệ nạn xã hội này thường dẫn đến các hậu quả phát sinh các tội phạm khác. Việc quy định các tội này nhằm đấu tranh, ngăn chặn tệ nạn cờ bạc trong xã hội, giữ gìn trật tự công cộng, bảo vệ sức khỏe và tài sản của công dân. Với tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo đã được đánh giá như trên, cần có đường lối xử lý phù hợp nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo và giáo dục chung cho xã hội.

Trong vụ án các bị cáo phạm tội đánh bạc là thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn không có sự bàn bạc, phân công. Các bị cáo Trần Ngọc M, Mai Văn Th, Đỗ Văn T, Trần Duy H và Cao Văn Gi đều là người trực tiếp thực hiện tội phạm nên có vai trò như nhau trong vụ án, tuy nhiên trong vụ án có bị cáo Trần Ngọc M, Mai Văn Th, Trần Duy H có số tiền sử dụng vào việc đánh bạc cao hơn các bị cáo khác nên khi quyết định hình phạt cần áp dụng mức hình phạt cao hơn. Đối với bị cáo Trần Văn Kh tuy không trực tiếp đánh bạc, nhưng đã đồng ý cho các bị cáo sử dụng địa điểm và vật dụng sinh hoạt của gia đình mình để các bị cáo khác đánh bạc nên phải chịu trách nhiệm hình sự về đồng phạm với vai trò là người giúp sức.

[4] *Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, tiền án, tiền sự không nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Trần Ngọc M được UBND xã Q, huyện L tặng giấy khen, có bố, mẹ được tặng Huân chương chiến sỹ giải phóng, bị cáo Mai Văn Th có bố được tặng huân chương kháng chiến, bị cáo Trần Duy H có mẹ được tặng huy chương kháng chiến nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Trần Văn Kh là người khuyết tật đặc biệt nặng đang được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng theo Quyết định số 1472/QĐ-UBND ngày 30/6/2017 của Ủy ban nhân dân huyện L nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Vì vậy khi lượng hình cũng cần phải xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo để các bị cáo thấy được chính sách khoan hồng của pháp luật Nhà nước ta.

Căn cứ vào nhân thân, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng. Hội đồng xét xử thấy rằng không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống

xã hội mà căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 65 của Bộ luật Hình sự cho các bị cáo được hưởng án treo, dưới sự giám sát của chính quyền địa phương cũng đủ để giáo dục, cải tạo các bị cáo thành những người có ích cho xã hội.

Đối với bị cáo Trần Văn Kh là người khuyết tật đặc biệt nặng đang được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng nên áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ, không áp dụng việc khấu trừ phần thu nhập đối với bị cáo.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo Kh đang là đối tượng được hưởng trợ cấp xã hội. Các bị cáo nghề nghiệp lao động tự do, thu nhập không ổn định, các bị cáo đều có đơn xin miễn hình phạt bổ sung và được UBND xã xác nhận vì hoàn cảnh khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo.

[6] *Về vật chứng*: Số tiền 8.100.000 đồng các bị cáo dùng vào việc đánh bạc là vật chứng của vụ án cần tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước.

01 bát sứ màu trắng, 01 đĩa sứ màu trắng và 04 quân vị bằng giấy là công cụ các bị cáo dùng vào việc phạm tội không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

[7] Về án phí: Bị cáo Trần Văn Kh là người khuyết tật do đó miễn án phí cho bị cáo. Các bị cáo là người bị kết án và không thuộc trường hợp miễn án phí nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1, 2 Điều 65; Điều 47 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Đỗ Văn T, Cao Văn G.

Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1, 2 Điều 65; Điều 47 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Trần Ngọc M, Mai Văn Th và Trần Duy H.

Khoản 1 Điều 321; điểm i, p, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36; Điều 47 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Văn Kh.

Điểm b, c khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Điểm đ khoản 1 Điều 12 (đối với Kh), khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Các bị cáo Trần Ngọc M, Mai Văn Th, Đỗ Văn T, Trần Duy H, Cao Văn Gi

và Trần Văn Kh phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt:

Bị cáo Trần Ngọc M **08 (Tám)** tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách **16 (Mười sáu)** tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị cáo Mai Văn Th **08 (Tám)** tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách **16 (Mười sáu)** tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị cáo Trần Duy H **08 (Tám)** tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách **16 (Mười sáu)** tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị cáo Đỗ Văn T **07 (Bảy)** tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách **14 (Mười bốn)** tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị cáo Cao Văn Gi **06 (Sáu)** tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách **12 (Mười hai)** tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trong thời gian thử thách giao bị cáo Trần Ngọc M, Mai Văn Th, Đỗ Văn T, Trần Duy H, Cao Văn Gi cho Ủy ban nhân dân xã Q, huyện L, tỉnh Thanh Hóa để giám sát và giáo dục. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Bị cáo Trần Văn Kh **07 (Bảy)** tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 06 ngày tạm giữ bằng 18 ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian còn lại phải chấp hành là 06 tháng 12 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã Q, huyện L nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Trần Văn Kh cho UBND xã Q, huyện L, tỉnh Thanh Hóa để giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình Trần Văn Kh có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Q, huyện L trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Về vật chứng:

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 8.100.000 đồng (*Tám triệu một trăm nghìn đồng*) theo giấy ủy nhiệm chi lập ngày 04/5/2020 giữa cơ quan Công an huyện L và Kho bạc Nhà nước huyện L.

- Tịch thu tiêu hủy 01 bát sứ màu trắng, 01 đĩa sứ màu trắng và 04 quân vị bằng giấy (Theo biên bản giao nhận vật chứng số 24/BBVC-CCTHA ngày 06/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L).

Án phí: Buộc các bị cáo Trần Ngọc M, Mai Văn Th, Đỗ Văn T, Trần Duy H và Cao Văn Gi mỗi bị cáo chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Trần Văn Kh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa.
- VKSND tỉnh Thanh Hóa.
- VKSND huyện Hậu Lộc.
- Cơ quan điều tra Công an huyện Hậu Lộc.
- Cơ quan THA hình sự huyện Hậu Lộc.
- Chi cục THA dân sự huyện Hậu Lộc.
- Các bị cáo.
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Cao Thị Nga